ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 195 /TTr-UBND	*Bình Phước, ngày 17 tháng 11 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất cuối (2016 - 2020) tỉnh Bình Phước;

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh "Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước" với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 và điểm đ khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) thì: *"Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh"*. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Mục đích của việc xây dựng Nghị quyết: Nghị quyết được ban hành là cơ sở pháp lý để UBND tỉnh cho phép thực hiện các dự án cần thu hồi đất trong năm 2023; là căn cứ thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện do UBND các huyện, thị xã, thành phố lập hàng năm, trong đó đối với các dự án cần thu hồi đất hàng năm thì UBND tỉnh phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 và danh mục hủy các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành Tờ trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua theo đúng trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Bố cục và nội dung chính của Nghị quyết:

a) Bố cục: Nghị quyết gồm 2 Điều và biểu chi tiết về danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 và danh mục hủy các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện.

b) Nội dung chính:

- Thông qua danh mục 493 dự án cần thu hồi đất năm 2023 với tổng diện tích 14.692,59 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(Phụ lục 01 kèm theo)

- Hủy 10 danh mục các dự án cần thu hồi đất với tổng diện tích 353,48 ha đã quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(Phụ lục 02 kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu VT **(Đ.Thắng TTr 08).**

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

Phụ lục 02: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN

(Kèm theo Tờ trình số 195 /TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Hạng mục	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)	Ghi chú
I	**Huyện Lộc Ninh**	**344,37**				
1	Nhà Văn hóa ấp 9	1,32	LNC	Lộc Điền	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
2	Mở rộng đường ấp 9 Lộc Điền	3,50	CLN	Lộc Điền	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh, hạ tầng khu công nghiệp Vcom	300,00	RSX	Lộc Thạnh	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
4	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	37,55	CLN	TT. Lộc Ninh	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
5	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thiện	2,00	RSX	Lộc Thiện	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
II	**Thị xã Bình Long**	**6,34**				
1	Đường dây 110 KV và trạm 220 KV Bình Long 2 - Bình Long	2,66	DNL	Thanh Phú, Thanh Lương	NQ 13/2018 NQ-HĐND ngày 16/12/2019	
2	Trạm biến áp đường dây 220kv điện mặt trời Lộc Ninh - Bình Long 2	3,28	DNL	Thanh Lương	NQ 13/2018 NQ-HĐND ngày 16/12/2019	
3	Xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ xã Thanh Phú	0,40	DVH	Thanh Phú	NQ 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
III	**Huyện Đồng Phú**	**2,77**				

1	Đường tổ Chùa Thanh Long nối dài đến đường Tôn Đức Thắng (Đông Tây 13) (đổi tên :Xây dựng đường từ Chùa Thanh Long (đường Đông Tây 13) nối dài đến đường kết nối phía Tây Nam Đồng Xoài, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú.)	2,72	CLN	TT Tân Phú	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng chợ Đồng Tâm	0,05	CLN	Đồng Tâm	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
Tổng		**353,48**				

Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 195 /2022/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	
(1)	*(2)*	(3)	*(4)*	*(5)*	*(6)= (7) + … + (12)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
I	**Thị xã Bình Long**	**216,20**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**132,45**										
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hớn Quản)	9,60	CLN, HNK. ODT, ONT	Phú Thịnh, Thanh Phú		20.000,00			X			Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
2	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài KCN Việt Kiều	0,65	CLN, SKC, DGT, ODT	Hưng Chiến	50.000	9.000			41.000			Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021;
3	KDC đường vành đai Hồ Sa Cát	0,50	CLN	Hưng Chiến			1.000,00			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày
4	Dự án: Nạo vét kênh và cống thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và phường Hưng Chiến.	4,50	CLN	An Lộc, Hưng Chiến			5.000			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
5	Nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II	1,30	CLN	Hưng Chiến			*650,00*			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
6	Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Tặng)	2,00	CLN, HNK, LUK	Phú Thịnh	18.000		800			17.200,00		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
7	Trụ sở khu phố Phú Hòa I(ODT)	0,03	CLN	Phú Đức			30			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
8	Lò mổ thị xã Bình Long	2,00	CLN	An Lộc			200			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
9	Nâng cấp, mở rộng đường TPT2	3,00	CLN	Thanh Phú	29.500	1.300,00				28.200		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021

10	Trụ sở làm việc và KDC cán bộ CNV	5,40	CLN	Hưng Chiến				2.700,00			*X*	Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
11	XD đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương	22,68	CLN	Hưng Chiến, Thanh Phú, Thanh Lương	12.340			11.340,00		1.000		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
12	Dự án xây dựng trụ sở khu phố khu phố Đông Phất	0,03	CLN	Hưng Chiến			45			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
13	XD mương thoát nước phía Tây đường ALT3, mương tổ 4 KP. Phú An	0,09	CLN	An Lộc	3.000		450			2.550		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
14	XD đường bê tông từ ấp Thanh Kiều đi tổ 5, ấp Thanh Bình, thị xã Bình Long	0,23	CLN	Thanh Lương	10.620		200			10.420		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
15	Trường tiểu học Thanh Bình (Kp Xa cam II).	1,53	CLN	Hưng Chiến	882		482			400		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
16	Nâng cấp, mở rộng đường TPT26 từ ấp Thanh Xuân đi ấp Thanh Sơn, xã Thanh Phú	1,20	CLN	Thanh Phú	6.500		264			6.236		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
17	Nâng cấp, mở rộng đường TPT31 (từ quốc lộ 13 đi ấp Vườn Rau)	1,85	CLN	Thanh Phú			185			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
18	Nâng cấp, mở rộng đường TPT30 (từ quốc lộ 13 đến địa giới phường An Lộc)	2,50	CLN	Thanh Phú			250			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
19	Dự án vùng đệm Nhà máy xi măng Bình Phước (Giải quyết tồn đọng Giải phòng mặt bằng)	2,14	CLN	Thanh Lương				600,00			*X*	Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
20	Khu đô thị mới Nam An Lộc	49,50	CLN	Hưng Chiến;		33.911,00			X			Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
21	XD đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	9,42	CLN, HNK, LUK, ODT, ONT	Phú Đức		25.000,00			X			Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
22	Nạo vét kênh hậu lòng Hồ Sa Cát	6,00	CLN	Hưng Chiến			10.000			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
23	XD Đường HCT3 từ ngã ba phường Hưng Chiến đến ngã ba Sóc Bình Ninh 1	5,72	CLN	Hưng Chiến	14.900		0			14.900,00		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021

24	Đường tổ 9, KP. Phú Xuân , P. Phú Thịnh	0,50	CLN	Phú Thịnh	500					500,00		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
25	Đường giao thông thuộc tổ 3,4 Xa cam 2, P. Hưng Chiến	0,08	CLN	Hưng Chiến			80			X		Nghị quyết 17/2021/NQ - HĐND ngày 07/12/2021
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**83,75**										
1	Mở rộng ĐT 758 từ Bình Long đi Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	25,92	ONT, CLN, ODT, DGT, DTL	Phú Đức, Phú Thịnh	500.000	20.000			480.000			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/07/2021. Đăng ký theo CV902/BQLD-TCKT ngày 16/9/2022 của BQLDA tỉnh
2	Khu dân cư 13 ha (phần đất còn lại thuộc Ban quản lý khu kinh tế)	13,85	CLN	Thanh Phú			13.000			X		CV số 420/UNND-KT ngày 2/3/2022 của UBND tỉnh BP về thực hiện KL số 181-KL/TU 21/01/2022 của Tỉnh ủy.
3	Láng nhựa đường tổ 6 ấp Thanh Tuấn đi cầu Ba Tặng (đầu đoạn ĐT757 đi Lộc Ninh)	3,30	CLN	Thanh Lương	300					300,00		Quyết định chủ trương đầu tư 132/QĐ - UBND ngày 22/10/2020; NQ 83/NQ - HĐND ngày 05/7/2021 giao vốn đầu tư công 2021-2025
4	Láng nhựa tuyến đường từ đập tràn tổ 8 ấp Thanh Thiện đi nghĩa trang ấp Thanh Thiện	3,30	CLN	Thanh Lương	120					120,00		Quyết định chủ trương đầu tư 132/QĐ - UBND ngày 22/10/2020; NQ 83/NQ - HĐND ngày 05/7/2021 giao vốn đầu tư công 2021-2025
5	Xây dựng đường TLT5 Đoạn Từ QL13 đến cổng chào ấp Phố Lố	7,54	CLN	Thanh Phú			X			9.000		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
6	Dự án làm đường dân sinh bao quanh nhà máy Xi măng BP	11,00	CLN	Thanh Lương			X				*4.500,00*	VB số 2578/HT1-QLDA ngày 30/8/2022 của Xi Măng Bình Phước
7	XD đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản(thu hồi đất lúa)	1,00	LUK	Phú Đức			X			900		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022

8	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hớn Quản)(thu hồi đất lúa)	1,00	LUK	Phú Thịnh			X			900		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
9	XD Vỉa hè, Mương thoát nước, thảm bê tông nhựa đường Nơ Trang Long (đoạn từ QL13 đến đường rày xe lửa), phường Phú Thịnh	5,10	CLN	Phú Thịnh			X			4.500		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
10	Nâng cấp, mở rộng đường từ Cổng chào ấp Phố Lố đi Nhà máy xi măng, xã Thanh Lương	1,50	CLN	Thanh Lương			X			6.300		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
11	XD Đường PDT13 đoạn từ Cầu đến giáp ranh huyện Hớn Quản	2,10	CLN	Phú Đức			X			7.200		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
12	18. XD Đường PDT14 đoạn từ Cầu đến giáp ranh huyện Hớn Quản	2,10	CLN	Phú Đức			X			7.200		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
13	Xây dựng đường số 5 giáp trường chuyên Bình Long (đoạn từ HCT1 đến ĐT752), phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	1,71	CLN	Hưng Chiến			X			2.700		Quyết định số 422a/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng đường số 5 giáp trường chuyên Bình Long (đoạn từ HCT1 đến ĐT752)
14	Bồi thường GPMB Dự án nạo vét kênh, xây dựng đường giao thông và cống thoát nước tại các điểm ngập úng trên địa bàn thị xã Bình Long	1,05	ODT,CLN ,HNK	An Lộc, Phú Đức			X			4.050		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
15	Kênh thoát nước hàng rào ngoài cụm CN Thanh Phú	0,55	CLN	Thanh Phú				X			*500,00*	VB số 806/CSBL-KHĐT ngày 15/9/2022 của Công ty Cao su Bình Long

16	XD Mương thoát nước từ tổ 8 khu phố Phú Trọng đến Suối Cầu Trắng, phường Phú Đức	0,03	CLN	Phú Đức			X			300		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2024
17	XD Mương thoát nước đường TLT27 (đoạn QL13 đến Suối)	0,50	CLN	Thanh Lương			X			2.000		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2025
18	Phường Hưng Chiến	0,81	CLN	Thanh Lương			X			1.000		Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND thị xã Bình Long về việc Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ dự án Trường Mầm non Thanh Lương
19	Xây dựng đường N2 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	0,90	ODT	Hưng Chiến			X			70.000		NQ số 108/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
20	Xây dựng đường N10 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	0,15	ODT	Hưng Chiến			X			50.000		NQ số 108/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND TBình Long về điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
21	Xây dựng, nâng cấp đường Bà Triệu	0,8	CLN, HNK	Phú Thịnh			X			4.000		Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND thị xã Bình Long
22	Xây dựng, nâng cấp đường Nơ Trang Long	0,4	CLN, HNK	Phú Thịnh			X			2.000		NQ số 109/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND thị xã Bình Long

23	Thu hồi đất làm mương thoát nước tại tổ 8 KP Phú Xuân, tổ 2 KP Phú Thuận	0,2	CLN,HNK, LUA	Phú Thịnh			X			1.397		Công văn số 223/UBND-KT ngày 22/2/2022 của UBND thị xã Bình Long. Biên bản thống nhất hiến đất ngày 26/11/2021 Tờ trình số 14 ngày 23/6/22 của UBND phường Phú Thinh
24	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0,34	CLN, ODT	An Lộc	17.000		13.000,00			4.000		NQ số 133/NQ-HĐND v/v thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025
II	**Thị xã Chơn Thành**	**5.857,75**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**5.531,95**										
1	Đất TMDV dân cư Becamex	2.208,32	CLN	Minh Thành, Thành Tâm, Hưng Long	1.908.875			1.908.875				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
2	Khu công nghiệp và dân cư Becamex	2.425,00	CLN	Hưng Long, Minh Thành, Thành Tâm	2.138.782			2.138.782				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
3	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	458,47	CLN, ONT, SON, HNK, DGT	Minh Thành, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Lập	282.609	35.000			247.609			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
4	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex	40,00	CLN	Minh Thành Nha Bích	48.974	40.000			8.974			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
5	Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (04	0,80	CLN	Nha Bích, Minh Thành	112.033			112.033				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
6	Mở rộng Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành	22,05	ODT, DGT,	Hưng Long	14.567		14.567					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
7	Trạm 110kV Becamex và đường dây đấu nối tỉnh Bình Phước	0,35	CLN	Minh Thành, Hưng Long	140			140				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
8	Đường dây 500kV Đức Hòa- Chơn Thành	0,61	CLN	Minh Thành	24			24				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021

9	Lộ ra 110kV từ Trạm 220kV Chơn Thành (02 mạch)	0,44	CLN	Minh Thành, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Lập	176			176				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
10	Đường dây 110kV Trạm 220kV Bến Cát - Trạm 220kV Chơn Thành	0,56	CLN	Hưng Long, Thành Tâm	252			252				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
11	Trạm 110kV Nha Bích và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Nha Bích	0,54	CLN	Nha Bích	216			216				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
12	Xây dựng đường N3 (đường N9 nối dài đến đường số 7)	19,84	ODT,CLN	Hưng Long	14.512		14.512					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
13	Trạm biến áp 500kV và đường dây đấu nối ('Móng trụ đường dây 500kV đấu nối trạm biến áp 220kV)	1,55	CLN	Minh Thành và Nha Bích	34			34				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
14	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nàm, huyện Chon Thành (kết nối các tuyến dường Minh Thành - Bàu Nàm)	12,08	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS	Minh Thành, Nha Bích	70.000	13.190			56.810			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
15	Xây dựng các tuyến đường xuyên tâm để kết nối hình thành các phường của huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	11,60	CLN	Hưng Long	13.954		13.954					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
16	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	92,80	CLN, ONT, ODT, CQP, DTL	Minh Lập, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Thành, Hưng Long	1.450.000	450.000			1.000.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
17	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	44,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS	Minh Long, Thành Tâm	440.000	22.000			418.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
18	Đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	18,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS	Minh Hưng, Minh Thành	200.000	50.000			150.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021

19	Dự án GPMB Cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	64,00	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS	Thành Tâm, Hưng Long	314.000	64.000			250.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
20	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB)	6,00	CLN, DGT, ONT, LUA	Minh Long, Minh Tâm	604.000	7.000			149.000		448.000	Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
21	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và Khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	12,27	ODT, DGD, CLN, DGT, SON, TMD, RSX	Minh Thành	100.000	17.400			82.600			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
22	Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành	0,50	ONT,CLN	Minh Thành	700			700				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
23	Xây dựng đường HC xã Thành Tâm nối dài	12,32	ODT, ONT, CLN, DGT,	Thành Tâm	60.000	3.000			57.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
24	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	5,00	CLN, ONT, DGT, LUA	Minh Hưng	50.000	8.000			42.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
25	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng	6,00	CLN, ONT, DGT, LUA	Minh Hưng	50.000	5.000			45.000			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
26	Đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	9,60	ONT, CLN,	Nha Bích, Minh Thắng	8.000	8.000						Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
27	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ Quốc Lộ 14 với quy hoạch dự án Becamex – Bình Phước)	9,75	ODT, CLN, DGT	Hưng Long	6.000	6.000						Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
28	Mở rộng đường trục chính CCN và KCN công nghệ cao Nha Bích	9,60	DGT, SON, CLN,	Nha Bích	8.000	8.000						Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
29	Xây dựng đường Liên khu 4 - khu phố 5	10,00	ODT, CLN	Hưng Long	9.000		9.000					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
30	Đường Ngô Gia Tự nối dài đến đường Lạc Long Quân	2,00	ODT, CLN	Hưng Long	1.000		1.000					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021

31	Vòng xoay ngã tư Chơn Thành	1,00	ODT, CLN	Hưng Long	5.500	5.500						Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
32	Xây dựng đường kết nối từ đường Lê Duẫn đến đường Ngô Tất Tố	1,50	ODT, CLN	Hưng Long	1.153		1.153					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
33	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 239 (đường Trừ Văn Thố)	10,00	ODT, CLN	Hưng Long	7748,00		7748,00					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
34	Xây dựng đường Huỳnh Văn Bánh, thị trấn Chơn Thành	3,50	ODT, CLN	Hưng Long	1000,00		1000,00					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
35	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	6,90	ONT, CLN, DGT	Minh Hưng, Minh Long	1.450.000	22.040			322.960		1.105.000	Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
36	Xây dựng đường tổ 9, ấp 3, thị trấn Chơn Thành	5,00	ODT, CLN	Hưng Long	1300,00		1300,00					Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**325,80**										
1	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	83,91	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Minh Thành, Nhá Bích, Minh Thắng	3.000.000	335.000			898.500		1.766.500	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
2	Xây dựng đường Minh Lập (Chơn Thành) - Bù Nho (Phú Riềng)	121,88	CLN, ODT, ONT, NTS	Minh Thắng, Minh Lập	960.000	484.000			476.000			Kết luận số 358-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban thường vụ tỉnh ủy về phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh
3	Trạm biến áp 110kV Tân Hưng và Đường dây 110kV Nhánh rẽ đấu nối Trạm biến áp 110kV Tân Hưng	0,40		Minh Lập				15.775				Công văn số 1927/PCBP ngày 14/9/2022 của Cty Điện lực Bình Phước
4	Cải tạo kè bờ suối Bến Đình (Đoạn từ cầu xe lửa đến đường liên KP4-KP5)	2,15	CLN; ODT	Hưng Long	20.000		20.000					Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 24191/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện

5	Cải tạo kè bờ suối Đôi (Đoạn từ cầu suối Đôi đến đường Cao Bá Quát)	8,10	CLN	Hưng Long	80.000		80.000					Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 24191/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện
6	Xây dựng đường Ngô Đức Kế (Ranh Chơn Thành-Minh Long)	6,84	CLN; ODT	Hưng Long	120.000		120.000					Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 24191/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Duẫn Thị trấn Chơn Thành	3,60	CLN; ODT	Hưng Long	95.000		95.000					Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 24191/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện
8	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Thắng Thị trấn Chơn Thành	8,40	CLN; ODT	Hưng Long	60.000		60.000					Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 24191/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện
9	Nâng cấp, mở rộng đường Phú Riềng Đỏ Thị trấn Chơn Thành	4,48	CLN; ODT	Hưng Long	70.000		70.000					Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 24189/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện
10	Xây dựng đường Vành đai Thị trấn Chơn Thành kết nối Khu công nghiệp Becamex	12,56	CLN; ODT	Hưng Long	120.000	120.000						Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh
11	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	48,44	ONT, CLN, DGT	Minh Hưng, Minh Long	1.450.000	100.000			245.000		1.105.000	Quyết định 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh

12	Căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật	25,04	CLN	Minh Thắng								Công văn số 1113/BCH-HC ngày 18/10/2022 của Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Chơn Thành; Công văn số 1370/UBND-TH ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh
III	**Thị xã Phước Long**	**236,92**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**229,58**										
1	Cụm công nghiệp Long Giang	50,00	CLN	Xã Long Giang	55.000	55.000						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 979/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thị xã
2	Cụm công nghiệp Phước Bình	50,00	CLN, SKC, ODT	Phường Phước Bình	55.000	55.000						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
3	Vùng lõi Căn cứ hậu cần - kỹ thuật	30,18	CLN	Xã Phước Tín	33.110	33.110						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
4	Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	11,00	CLN, ODT	Phường Phước Bình	10.000	10.000						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
5	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT.759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	7,00	CLN, ODT	Phường Long Phước	10.000	10.000						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
6	Xây dựng cầu bắt qua Sông Bé và đường kết nối đến huyện Bù Gia Mập (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	0,96	CLN, ONT	Xã Long Giang	8.000	8.000						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
7	Đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	11,82	CLN, ODT, ONT	Phường Sơn Giang; Long Phước; Xã Long Giang	12.500	12.500						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

8	Nâng cấp ĐT.741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến Quốc lộ 14C, tỉnh Bình Phước	8,55	CLN, ODT	Phường Thác Mơ	89.834	2.200			87.634			NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
9	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HN đường Hoàng Văn Thụ	0,24	CLN	Phường Phước Bình	264	264						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
10	Nâng cấp mặt đường và xây dựng HN đường Hoàng Văn Thái	0,44	CLN, ODT	Phường Sơn Giang	600		600					NQ số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
11	Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759)	24,10	CLN, ODT, ONT	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	15.000		15.000					NQ số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
12	Nâng cấp đường từ vòng xoay núi Bà Rá lên đồi Bằng Lăng	0,64	RDD	Phường Sơn Giang; Thác Mơ	30.000					30.000		NQ số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
13	Nâng cấp, sửa chữa đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	9,90	RDD	Phường Sơn Giang; Thác Mơ; xã Phước Tín	30.000					30.000		NQ số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
14	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	6,00	CLN, ODT, ONT	Phường Phước Bình, Long Thuỷ, Thác Mơ, Sơn Giang, xã Long Giang, xã Phước Tín	18.000	18.000						NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
15	GPMB, xây dựng hàng rào khu di tích Cây Khế - Bà Định và phục dựng khu di tích nhà tù Bà Rá	4,45	CLN	Phường Sơn Giang; Xã Long Giang	8.000		8.000					NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
16	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thôn Nhơn Hòa 1, xã Long Giang	5,80	CLN	Xã Long Giang	6.000		6.000					NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
17	Khu dân cư Phước Tín	8,50	ONT, CLN	Xã Phước Tín	9.350			9.350				NQ số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**7,34**										

1	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Lý Thái Tổ (từ cầu An Lương đến đường Lê Hồng Phong)	2,16	CLN	Phường Long Thủy	600		600					NQ số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022
2	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Lê Hồng Phong phường Sơn Giang	2,28	CLN, RDD	Phường Sơn Giang; Thác Mơ	2.000		2.000					NQ số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022
3	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Mội nước phường Sơn Giang	1,20	CLN, ODT	Phường Sơn Giang	200		200					NQ số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022
4	Đầu tư nâng cấp đường Hà Huy Tập (Bù Xiết)	1,40	CLN	Phường Sơn Giang; Long Giang	300	300						NQ số 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020
5	Đường D8	0,30	CLN	Phường Long Phước	Người dân hiến đất nên không bồi thường về đất							Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 08/7/2022
IV	**Huyện Bù Gia Mập**	**316,72**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**265,92**										
1	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật (vùng lõi)	13,60	CLN	Phú Nghĩa	4.000		4.000					Quyết định số 878/QĐ-BTL ngày 30/4/2018 của Tư lệnh Quân khu 7 về việc quy hoạch vị trí căn cứ đóng quân căn cứ Hậu cần – Kỹ thuật huyện Bù Gia Mập
2	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 3	44,30	CLN	Phú Nghĩa	44.000		44.000					Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt phát triển Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

3	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	18,40	CLN	Phú Nghĩa	75.000	11.000			64.000			Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
4	Xây dựng đường vành đai HC huyện	8,50	CLN	Phú Nghĩa	35.000		8.500			26.500		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
5	Xây dựng các tuyến đường HC huyện	10,70	CLN	Phú Nghĩa	90.000	5.000			85.000			Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
6	Xây dựng đường từ ĐT.760 kết nối đường ĐH 09 xã Đức Hạnh	5,00	CLN	Đức Hạnh; Phú Nghĩa	23.000		1.800			23.000		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
7	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	6,70	CLN	Phú Nghĩa	54.000	6.700			47.300			Quyết định sô 1234/QĐ-UBND ngày 12/07/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021- huyện Bù Gia Mập

8	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho HC huyện và đường đấu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua HC	107,00	LUK: 40: CLN: 67	Phú Nghĩa	90.000	50.000			40.000			Quyết định sô 1698/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2020 - huyện Bù Gia Mập
9	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua HC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	19,20	ONT; CLN; DGT; DTL	Phú Nghĩa	3.000	3.000						Quyết định sô sô 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao Kế hoạch vốn điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn gai đoạn 2021 - 2025
10	Xây dựng lộ ra trạm 110KV Bù Gia Mập	1,50	CLN	Phú Nghĩa; Đức Hạnh	1.500			1.500				Quyết định số 2281/QĐ-PCBP ngày 21/10/2021 của Công ty Điện lực Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình xây dựng lộ ra trạm 110kV Bù Gia Mập
11	Xây dựng điểm trường thôn sơn trung xã Đức Hạnh	2,00	CLN	Đức Hạnh			2.000					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 07/12/2021;
12	Điểm dân cư biên giới xã Đăk Ơ	10,00	RSX	Đắk Ơ	2.000			2.000				Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xây dựng điểm dân cư liền kề đồn, trạm, chốt Biên phòng và mở rộng các điểm dân cư biên giới đã xây dựng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2025

13	Khu dân cư, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập	9,50	CLN	Bù Gia Mập	2.500		2.500					Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập
14	Khu dân cư và khu phức hợp TMDV	9,52	CLN	Phú Nghĩa	5.000		5.000					Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu dân cư và khu phức hợp thương mại dịch vụ (khu 1), Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**50,80**										
1	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến QL14C, tỉnh Bình Phước	19,95	ONT; CLN	Đức Hạnh; Phú Nghĩa	5.000	5.000						Quyết định sô sô 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao Kế hoạch vốn điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn gai đoạn 2021 - 2025
2	NC, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kia qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	3,00	CLN: 2,5; ONT: 0,5	Đa kia; Bình Thắng	60.000	4.000			56.000			Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập

3	Xây dựng kết cấu hạ tầng HC xã Phước Minh	1,30	CLN: 1,0; ONT: 0,30	Phước Minh	20.000		2.000			18.000		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
4	Xây dựng kết cấu hạ tầng HC xã Đức Hạnh	0,80	CLN: 0,70; ONT: 0,10	Đức Hạnh	20.000		1.000			19.000		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
5	Xây dựng đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	4,55	CLN:4,5; ONT:0,05	Bình Thắng	65.000	4.000			61.000			Quyết định sô 1698/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2020 - huyện Bù Gia Mập
6	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.09 (từ ĐT.741 đi xã Đức Hạnh)	4,35	CLN:4,30; ONT:0,05	Phú Nghĩa; Đức Hạnh	19.000		1.000			18.000		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
7	Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường trung tâm xã Đăk Ơ	1,90	CLN:0,10; ONT:1,80	Đăk Ơ	20.000		600			19.400		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập

8	Xây dựng kết cấu hạ tầng HC xã Đắk Ơ	0,75	CLN:0,70; ONT:0,05	Đắk Ơ	20.000		600			19.400		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
9	Xây dựng đường nhựa thôn Bù Tam - Bình Giai xã Phước Minh	2,00	CLN	Phước Minh	6.700		500			6.200		Quyết định sô 1698/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2020 - huyện Bù Gia Mập
10	Xây dựng các hồ chứa nước nhỏ tại các xã Bù Gia Mập, Phước Minh và Đa Kia	3,50	HNK:0,45; CLN: 3,00; ONT: 0,05	Bù Gia Mập; Phước Minh; Đa Kia	20.000		3.000			17.000		Quyết định sô 1265/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2022 - huyện Bù Gia Mập
11	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DS xã Đắk Ơ (Hạng mục: đường từ thôn Cây Da xã Phú Văn đến thôn Đắk Á xã Bù Gia Mập	7,06	CLN	Đăk Ơ	48.000		3.000			45.000		Quyết định sô 1698/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch điều chính vốn đầu tư công năm 2020 - huyện Bù Gia Mập
12	Xây dựng đương bê tông xi măng thôn 9 (từ đường DH 11 đi nhà ông Dụ)	0,74	CLN:0,70; ONT:0,04	Đắk Ơ	2.400						2.400	Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập
13	Xây dựng đường bê tông xi măng thôn 4 (Đăk Ơ M8 từ THCS đến ĐƠ 06)	0,30	CLN	Đắk Ơ	950						950	Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập;
14	Láng nhựa đường giao thông nông thôn từ ĐT741 vào thôn Đăk Lim	0,60	CLN	Đắk Ơ	1.900						1.900	Quyết định số 4839/QĐ-UBND huyện Bù Gia Mập ngày 31/12/2014
V	**Huyện Hớn Quản**	**755,67**										

a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**654,93**										
1	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước	15,00	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, NKH	An Khương	240.000			20.000			220.000	Quyết định số 3156/QĐ-BNN-XD ngày 19/7/2021 của Bộ NNPTNT, Công văn số 865/BQLDA-TCKT ngày 08/9/2022 của BQLDA tỉnh
2	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	163,80	CLN, ONT, DGT	An Phú, Minh Đức, Minh Tâm, Tân Hiệp	1.450.000	89.925			1.360.075			Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh, Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh
		10,76	RSX	Minh Đức								
		25,35	LUK, CAN, SKC, SKS, SON, SKX	Minh Đức, Minh Tâm								
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Sikico mở rộng	4,87	CLN, SON, LUK, DGT	Đồng Nơ	50.000	6.563			43.437			Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh, Công văn số 865/BQLDA-TCKT ngày 08/9/2022 của BQLDA tỉnh
		3,50	RSX	Đồng Nơ								
4	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB)	7,70	CLN, DGT, ONT, DTL	Tân Hiệp	604.000	3.000		4.000	153.000		444.000	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh
5	Mở rộng đường ĐT758 từ Bình Long đến Thuận Phú và kết nối QL14	25,92	ONT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tan Hưng, Tân Lợi	500.000	20.000			480.000			Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh
6	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Việt Kiều	1,60	CLN	Thanh Bình	50.000	10.000			40.000			Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh

7	Đường trục chính từ QL13 vào KCN Tân Khai II	2,70	CLN, ODT	Tân Khai	39.994	16.200			23.794			Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh, Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh, Công văn số 2508/UBND-KT ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh, Công văn số 3071/UBND-KT ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh
8	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	3,58	CLN, DTL, NTS	Tân Khai	50.000	8.570			41.430			Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh, Công văn số 865/BQLDA-TCKT ngày 08/9/2022 của BQLDA tỉnh
		2,29	LUK									
9	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương	6,50	LUC	An Khương	30.000		1.700			28.300		Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 19/01/2020 của UBND tỉnh, Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh
10	Chốt chiến đấu DQ An Phú	2,00	CLN	An Phú			3.000					Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước, Công văn số 923/BCH-HC ngày 06/9/2022 của Ban CHQS huyện Hớn Quản, Công văn số 6771/TM-DQTV ngày 20/10/2021 của Bộ Tham mưu QK7, Công văn số 3659/UBND-NC ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh

11	Nâng cấp, mở rộng đường từ Khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, huyện Hớn Quản.	6,00	CLN, ONT	Đồng Nơ, Minh Đức	185.000	10.480			174.520			Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh
12	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản.	4,00	CLN, ONT	Đồng Nơ, Tân Khai, Phước An, Minh Đức		6.700						Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND huyện Hớn Quản
13	Chốt chiến đất DQ Minh Tâm	1,00	CLN	Minh Tâm			1.500					Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước, Công văn số 923/BCH-HC ngày 06/9/2022 của Ban CHQS huyện Hớn Quản, Công văn số 6771/TM-DQTV ngày 20/10/2021 của Bộ Tham mưu QK7, Công văn số 3659/UBND-NC ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh
14	Vùng lõi căn cứ hậu cần kỹ thuật thị xã Bình Long	25,53	CLN	Phước An			3.190					Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh, Quyết định số 431/QĐ-BTL ngày 13/02/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7
15	Xây dựng Đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan	16,00	CLN, ONT, ODT	Phước An, Tân Khai, Tân Quan	180.000	60.000			120.000			Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh
		0,12	LUK	Phước An, Tân Khai, Tân Quan								
16	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình Đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	11,10	CLN, LUK	Phước An, Tân Quan	50.000	41.000			9.000			Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnhQuyết định số 639/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của UBND huyện

		1,80	LUK									
17	Sửa chữa hệ thống điện trung hạ thế và các trạm biến áp các xã Tân Hưng, An Khương, Thanh An	1,70	CLN	Tân Hưng	3.000		2.173			827		Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND huyện, Công văn số 18/UBND-KSX ngày 06/01/2021 của UBND huyện
18	Vùng lõi Căn cứ hậu cần kỹ thuật BCHQS huyện Hớn Quản	30,00	CLN	Tân Hưng			7.000					Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh, Quyết định số 428/QĐ-BTL ngày 13/02/2018 của Bộ Tư lệnh QK7, Công văn số 2015/UBND-KT ngày 25/10/2022 của UBND huyện Hớn Quản
19	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng.	14,00	CLN, ONT	Tân Hưng	100.000	10.000			90.000			Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh
		0,50	LUA									
20	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng	3,90	CLN	Tân Hưng	3.600							Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện
21	Đường Trục chính Bắc Nam nối dài (GĐ1)	2,90	CLN	Tân Khai	63.223		9.812			53.411		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 2/3/2010 của UBND tỉnh, Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 28/10/20214 của UBND tỉnh
22	Đường Trục chính Bắc Nam (giai đoạn 3), VH-TD huyện Hớn Quản và đường Đông Tây 9	11,70	CLN, ODT	Tân Khai			35.000					Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 2/3/2010 của UBND tỉnh, Công văn số 1234/UBND-KH ngày 09/9/2015 của UBND huyện
23	Đường Đông Tây 7 nối dài	0,03	CLN	Tân Khai			180					Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 2/3/2010 của UBND tỉnh

24	Nâng cấp đường vào cầu Huyện ủy và đường Khu phố 1, thị trấn Tân Khai	0,20	CLN	Tân Khai			300					Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND huyện
25	Thu hồi đất giao UBND huyện quản lý để Thực hiện quy hoạch, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng Khu dân cư	2,91	CLN	Tân Khai			61					Công văn số 2339/UBND-KT ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh
26	Chỉnh trang đô thị	5,30	SKC	Tân Khai								Công văn số 1694/UBND-TH ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh
27	Xây dựng đường Đông Tây 9	2,00	CLN	Tân Khai	18.000		4.300			13.700		Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND huyện
28	Xin giao về địa phương quản lý	13,61	CLN	Tân Lợi			10.888					Thông báo số 378/TB-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh, Công văn số 420/UBND-KT ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh
29	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản.	27,00	CLN, ONT	Thanh Bình, Minh Đức	270.000	20.000			250.000			Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND tỉnh
30	Mỏ đá vôi Thanh Lương (198,06ha trên 2 xã An Phú, Minh Tâm)	198,06	CLN	An Phú, Minh Tâm	785.000			237.672			547.328	Quyết định số 1065/QĐ-g ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP, Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh, Công văn số 2578/HT1-QLDA ngày 30/8/2022 của Công ty CP xi măng Hà Tiên 1
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**100,74**										

1	Xây dựng đường kết nối ngang Quốc lộ 13 và tuyến Tây Quốc lộ 13 đoạn Chơn Thành-Hoa Lư	22,62	ONT, CLN, CAN, DGT, DTL, LUK (02ha) và các loại đất khác	Minh Tâm	150.000,0	24.000,0			126.000,0			Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh
2	Cải tạo, nạo vét suối Xa Cát	57,00	CLN, LUK 5,5 ha	Phước An, Thanh Bình, Tân Khai, Tân Quan	70.000,0		12.000,0			58.000,0		Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện
3	Xây dựng đường ranh xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản và phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	2,00	CLN, ONT	Minh Tâm	22.000,0		400,0			21.600,0		Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND huyện
4	Nâng cấp, xây dựng đường vào cầu Bù Dinh-Thanh Sơn, xã Thanh An	6,00	CLN, ONT	Thanh An	90.000,0		2.500,0			87.500,0		Công văn số 92/HĐND-TH ngày 23/9/2022 của HĐND huyện
5	Xây dựng đường Minh Tâm-An Phú kết nối với đường phía Tây QL13	8,50	CLN, ONT	An Phú, Minh Tâm	110.000,0		2.000,0			108.000,0		Công văn số 92/HĐND-TH ngày 23/9/2022 của HĐND huyện
6	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Việt Kiều	0,12	LUA	Thanh Bình	50.000	10.000			40.000			Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh
7	Xây dựng đường từ trung tâm xã An Phú kết nối với đường phía Tây QL13	4,50	CLN, ONT	An Phú	80.000,0		10.000,0			70.000,0		Công văn số 92/HĐND-TH ngày 23/9/2022 của HĐND huyện
VI	**Huyện Lộc Ninh**	**2.213,17**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**1.975,16**										
1	Đường tránh QL13	54,20	CLN	Lộc Hưng, Lộc Thái, Lộc Thiện, Lộc Ninh, LộcTấn		14.138			x			Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
2	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn tới Cửa khẩu Hoa Lư	58,46	CLN, ONT, DGT, LUK	Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn	450.000	50.000					400.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

3	Đường tránh khu di tích Tà Thiết	8,40	CLN , RSX	Lộc Thành, Lộc Thịnh				1.210				Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
4	Nâng cấp mở rộng đường từ Ngã Ba Đồng Tâm -Tà Thiết	55,74	CLN, ONT	Lộc Thành, Lộc Thịnh, Lộc Hưng		11.270						Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu, đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	1,50	CLN	Lộc Ninh	11.500		900					Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
6	Đường điện trung hạ thế ấp K57 xã Lộc Tấn	1,50	CLN	Lộc Tấn	2.000		900			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
7	Đường điện trung hạ thế ấp 11 xã Lộc Thuận	1,00	CLN	Lộc Thuận	1.400		600			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
8	Đường từ ngã ba hố bom làng 10 đi ấp K54 xã Lộc Thiện	1,00	CLN	Lộc Thiện			600					Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
9	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	2,00	CLN	Lộc Thiện, Lộc Thành	45.000		1.200		x			Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
10	Đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biến đi cầu Đỏ, xã Lộc Điền)	8,00	CLN	Lộc Ninh, Lộc Thái	150.000		4.800			15.000	135.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
11	Mở rộng đường UBND xã - Mẫu Giáo Lộc Quang	0,60	CLN	Lộc Quang			360			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
12	Trường tiểu học và THCS Lộc Phú	2,40	CLN	Lộc Phú			1.400			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
13	Đường ấp Tân Bình 1	0,81	CLN	Lộc Thành			490			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

14	Đường ấp Lộc Bình 1-Lộc Bình 2	1,35	CLN	Lộc Thành			140			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
15	Sân vận động, Nhà thi đấu đa năng huyện	20,00	LNC	Lộc Thái			2.000			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
16	Điểm X16	5,00	RSX	Lộc Tấn		1.200						Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
17	Điểm dấu súng	1,00	RSX	Lộc Tấn		180			x			Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
18	Đường tổ 4 ấp Chà Đôn đi ấp Cần Lê	1,20	LNC	Lộc Khánh			720			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
19	Đường tránh khu di tích lịch sử Bồn Xăng	1,00	LNC	Lộc Quang			600			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
20	Điểm dừng chân của Thủ tướng Camphuchia	1,00	RSX	Lộc Thạnh			180				x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
21	Đường từ QL13 đến chợ xã Lộc Hòa	2,00	LNC	Lộc Hòa	15.000		1.200			2.000	13.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
22	Khu dân cư ấp 11A	24,00	LNC	Lộc Thiện			2.400			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
23	Khu trung tâm Văn hóa, thể thao, dân cư ngã tư Mũi Tôn ấp Măng Cải	25,00	LNC	Lộc Thiện			2.500			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
24	Khu dân cư ấp Cây Chặt giai đoạn 1 kết hợp Nhà ở xã hội của Công ty Cao su	35,00	LNC	Lộc Tấn			3.500			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

25	Khu Trung tâm hành chính, công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, bến xe, dân cư Lộc Thái kết hợp Nhà ở xã hội của Công ty Cao su	35,00	LNC	Lộc Thái			3.500			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
26	CTr đường dây 110KV nhánh rẽ đấu nối trạm 110KV Hoa Lư	0,74	CLN	Lộc Thuận; Lộc Hiệp; Lộc An; Lộc tấn; Lộc Hòa; Lộc Thạnh		186			x			Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
27	Đường phía tây QL 13 kết nối Chơn Thành -Hoa Lư	73,72	CLN, ONT, RSX (49,8 ha), DTL,	Lộc Thiện, Lộc Thịnh; Lộc Thành, Lộc Tấn	1.450.000	89.925			255.075		1.105.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
28	Đường phía tây QL 13 kết nối Chơn Thành -Hoa Lư (thu hồi bổ sung đoạn tuyến đường tư 13B đến khu vực X16)	29,87	CLN, ONT, RSX, DTL, DGT	Lộc Tấn	1.450.000	9.000			336.000		1.105.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
29	Đất cho Cty TNHH TM DV Xử lý Môi trường Khải Tiến Phát xây dựng Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, sản xuất gia công tái chế kim loại	49,00	CLN, RSX	Lộc Thạnh				9.000			x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
30	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Ledana	425,00	RSX	Lộc Thạnh				77.000			x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
31	Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Bình Dương	40,00	RSX	Lộc Tấn				7			x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
32	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp trong Khu kinh tế	330,00	RSX	Lộc Thạnh				59.400			x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
33	Đường Sóc Bà Bom-đi lâm trường	2,00	CLN, LUK	Lộc Hòa			1.000			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

34	Khu xử lý chất thải tập trung của huyện	40,00	RSX	Lộc Thạnh			7.000			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
35	Khu dân cư ấp K57, xã Lộc Tấn	23,00	LNC	Lộc Tấn			1.380			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
36	Khu Trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ và dân cư ấp 6A, 5B, 5C xã Lộc Tấn	20,00	LNC	Lộc Tấn			2.000			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
37	Khu dân cư khu phố Ninh Thuận	10,00	LNC	Lộc Ninh			1.000			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
38	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (giai đoạn 2) và xây dựng các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước	183,00	CLN, SON	Lộc Tấn, Lộc Thạnh	300.000	74.000			226.000			Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
39	Đường vào Trường TH và THCS Lộc Phú	0,60	LNC	Lộc Phú			360			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
40	Khu dân cư Lộc Ninh	0,08	TSC	Lộc Ninh			0			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
41	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh, hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Dung	301,00	RSX	Lộc Thạnh				54.000			x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
42	Dự án nhà máy sản xuất găng tay Kichy Việt Nam	30,00	RSX	Lộc Thạnh				5.000			x	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
43	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước	60,00	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, HNK	Lộc Khánh, Lộc Ninh	240.000			80.000			160.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

44	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	10,00	CLN, SON, ONT, LUK	Lộc Thạnh, Lộc Quang, Lộc An, Lộc Hòa	604.000	186.000					418.000	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**238,01**										
1	Đường Cây xăng Như Ý đến QL13	1,00	CLN	Lộc Hòa				x			1.000	Quyết định số 3875 ngày 15/9/2022 của UBND huyện giao vốn nông thôn mới
2	Bãi đáp Trực thăng	2,00	RSX	Lộc Tấn		0						Công văn 843/BCH-HC ngày 21/9/2022
3	Trường Mẫu giáo xã Lộc Thái	1,50	CLN	Lộc Thái	20.000		x		20.000			Công văn 2432/UBND-KT ngày 19/10/2022 của UBND huyện; Ban QLADA đăng ký thêm
4	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT 756 và ĐT 759B	3,00	CLN	Lộc Thuận, Lộc Hiệp, Lộc Quang	100.000		x		100.000			Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của HĐND tỉnh
5	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm trường)	4,00	CLN	Lộc Tấn, Lộc Ninh	100.000		x		100.000			Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của HĐND tỉnh
6	Mỏ đá vôi Xi măng Hà Tiên	226,51	RSX	Lộc Thịnh, Lộc Thành	1.143.000			x			x	Quyết định chủ trương đầu tư số 781/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước
VII	**Huyện Bù Đăng**	**1.255,82**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**727,83**										
1	Xây dựng trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1,00	CLN	Đồng Nai	20.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
2	Cụm nghĩa trang công nhân Nông trường Minh Hưng	2,00	CLN	Minh Hưng						x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
3	Cụm nghĩa trang công nhân Nông trường Thọ Sơn	2,00	CLN	Phú Sơn	2.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;

4	Mở rộng trường tiểu học Tô Vĩnh Diện	0,80	CLN	Bình Minh	250					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
5	Quy hoạch xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	1,50	CLN	Thống Nhất	1.500					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
6	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng	6,30	CLN	Bình Minh	30.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phước Sơn - Đoàn Kết - Đồng Nai (ĐH.03)	28,66	CLN, ONT	Phước Sơn, Đoàn Kết, Đồng Nai	30.000				x			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
8	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11,00	HNK, CLN, LUK (0,50)	Đăng Hà	75.000				x			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
9	Khu dân cư Lý Thường Kiệt	34,75	CLN, ODT	Đức Phong	50.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
10	Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo (DT: 113,04 ha)	14,20	CLN, ONT	Bình Minh	2.000				x			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
11	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Đăk Nhau	1,20	CLN	Đăk Nhau	6.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
12	Trường mẫu giáo Hoa Sen	1,00	CLN	Đoàn Kết	20.700					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
13	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa, huyện Bù Đăng	6,00	ODT,CLN, SON, DGT, LUK (1,00)	Đức Phong	138.000	16.899			121.101			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
14	Trụ sở Công an huyện, huyện ủy (bao gồm sân vườn, khuôn viên) và các cơ quan khác	15,00	CLN, ODT	Đức Phong	15.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
15	Xây dựng đường thâm nhập nhựa đường số 4 - số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300m, xã Đường 10	1,00	CLN, ONT	Đường 10	4.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
16	Quy hoạch mới Sân vận động	1,50	CLN	Đường 10	1.200					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;

17	Nghĩa địa thôn Sơn Tân, Phú Sơn	1,00	CLN	Phú Sơn	500					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
18	Mở rộng THCS Thọ Sơn	0,06	CLN	Thọ Sơn	2.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
19	Bãi rác cụm xã Phú Sơn, Thọ Sơn, Đồng Nai	2,00	CLN	Thọ Sơn	60				x			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
20	Tiểu dự án tái định cư khu vực Đa Bông Cua	0,61	CLN	Thống Nhất	307					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
21	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	4,80	CLN	Đồng Nai, Thọ Sơn	40.000				x			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
22	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường vườn chuối Bù Lạch)	7,20	CLN	Phú Sơn; Đồng Nai	30.000				x			Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
23	Xây dựng đường liên xã Thống Nhất đi Phước Sơn;	7,80	CLN, ONT	Phước Sơn, Thống Nhất	65.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
24	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	1,70	CLN	Đức Phong	10.000					x		Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
25	Xây dựng các tuyến đường THHC xã Đức Liễu (14km)	25,20	CLN	Đức Liễu	50.000					x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (2)
26	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu	5,00	CLN	Đức Liễu	45.000					x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (3)
27	Đường thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7 km)	12,60	CLN	Thống Nhất	4.000					x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (5)
28	Vùng lõi CCHC-KT BCHQS Bù Đăng	30,00	CLN	Thống Nhất			12.048			x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (18)
29	Mở rộng Trường Tiểu học	0,80	CLN	Phú Sơn						x		Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh;

30	Xây dựng Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1,10	CLN	Nghĩa Trung	10.400					x		Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (26);
31	Nâng cấp, mở rộng ĐT 753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	31,35	LUA (4,62), CLN (24,66), NTD (0,5), DGD (0,03), SON (1)	Thống Nhất, Đăng Hà	220.000	26.000			194.000			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (28)
32	Nâng cấp, mở rộng từ QL14 xã Thọ Sơn đi xã Đăk Nhau (Tuyến khác ĐH.14)	21,00	CLN, ONT	Đăk Nhau, Phú Sơn, Thọ Sơn	80.000				x			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (29)
33	Nâng cấp, mở rộng Đường huyện Phú Sơn - Đồng Nai (ĐH.15)	47,70	CLN, NTD, ONT	Đồng Nai, Thọ Sơn, Phú Sơn					x			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (30)
34	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (Đường Đông Nam QL14)	400,00	ONT, CLN, DGT, SON, LUK (5,00)	Phú Sơn, Thọ Sơn, Đồng Nai, Đoàn Kết, Phước Sơn, Thống Nhất, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình	4.979.293	340.000			660.000		3.979.293	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh (33)
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**527,99**										
1	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	500,00	CLN, ONT, DGT, SON, RSX (20,00)	Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, Phước Sơn, Đoàn Kết, Đồng Nai, Phú Sơn	3.000.000	590.000			643.500		1.766.500	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh;
2	Thảm nhựa nối tiếp đường liên xã Bom Bo - Đăk Nhau đến ngã tư Đăk Xuyên	1,50	CLN	Bom Bo	8.000					x		Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện Bù Đăng

3	Đường liên khu 24, xã Bình Minh	2,80	CLN	Bình Minh	6.000					x		Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện Bù Đăng
4	Sữa chữa đột xuất gia cố chống sạt lở mương dẫn hạ lưu ngang Km911 + 046(T), Quốc lộ 14, tỉnh Bình Phước.	0,01	CLN	Đức Phong	832						x	Quyết định số 330/QĐ-CĐBVN ngày 17/10/2022 của Cục đường bộ Việt Nam
5	Cầu Phước Cát	0,49	SON: 0,09 DGT: 0,10 CLN: 0,40	Đăng Hà	100.000					x		Công văn số 1382/UBND-KT ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 71/BQLDA-ĐHDA ngày 05/7/20202 của Ban QLDA giao thông tỉnh Lâm Đồng
6	Điểm lẻ Trường Mầm non Đăng Hà thôn 4	0,50	CLN	Đăng Hà						x		Quyết định số: 1428/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND huyện Bù Đăng
7	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Sơn Lang, xã Phú Sơn	0,06	CLN	Phú Sơn								Đất đã xây dựng Nhà văn hóa do người dân hiến đất để xây dựng từ năm 2002. Thu hồi không bồi thường về đất
8	Đường tổ 4, thôn 3 (Đường BTXM tổ 3, thôn 3 - Trường Mẫu giáo Sao Mai mới)	0,05	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện Bù Đăng
9	Đường tổ 8, thôn 3 (Trường Tiểu học Nghĩa Trung - Trường Mẫu giáo Sao Mai mới)	0,24	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện Bù Đăng
10	Đường BTXM thôn 2 (Nhà bà Hằng đến đường ĐT 753B)	1,20	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND huyện Bù Đăng
11	Xây dựng đường BTXM tổ 10, thôn 3 (Đoạn từ Chùa Trúc Lâm xuống đập Hồ Ông Thoại	0,20	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND huyện Bù Đăng

12	SCH BCHQS Bù Đăng (hoán đổi)	4,50	CLN	Đoàn Kết						x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;
13	Xây dựng Đường quanh Hồ 7 mẫu	2,00	CLN, ODT	Đức Phong	39.000					x		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
14	Cầu Đăk Lung	1,26	RSX	Đường 10						x		Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh
15	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa, huyện Bù Đăng	9,00	ODT,CLN, SON, DGT, LUK (1,00)	Đức Phong	138.000	16.899			121.101			Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND huyện Bù Đăng
16	Xây dụng bãi tập kết chôn lấp chất thải cụm xã Phước Sơn - Thống Nhất - Đăng Hà	1,00	CLN	Thống Nhất	4.000					x		Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện Bù Đăng
17	Xây dụng bãi tập kết chôn lấp chất thải cụm xã Đắk Nhau - Đường 10	1,30	CLN	Đăk Nhau	4.000					x		Quyết định số 5186/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Bù Đăng
18	Đất quốc phòng chuyển sang mục đích khác (thu hồi đất SCH BCHQS Bù Đăng mới)	1,39	CQP	Đức Phong						x		Công văn 2235/BC-BCH ngày 27/8/2021 của BCH Quân sự tỉnh Bình Phước
19	Nối dài đường từ Cây xăng Chung chiều sang khu dân cư Đak Xuyên	0,49	CLN	Đăk Nhau	3.000						x	Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh
VIII	**Huyện Đồng Phú**	**1.975,34**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**1.717,06**										
1	Dự án Công trình QK1	19,77	CLN	Tân Tiến		24.101			X			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	24,63	CLN	Tân Phú, Tân Lập, Tân Tiến, Thuận Phú, Thuận Lợi		53.000			X			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

3	Dự án xây dựng đường Đồng Phú -Bình Dương (đoạn ĐT753 đến ranh Bình Dương)	68,37	CLN + DGT + NTS + SON	Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng	960.000	474.000			486.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Đường Đồng Tiến-Tân Phú	35,09	CLN, ONT, DGT, DTL	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	180.000	33.000			147.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Đồng Xoài	22,76	CLN, ONT	Tân Phú, Tân Tiến, Tân Lập	200.000			20.000			180.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
6	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,10	CLN	Tân Tiến		X					1.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
7	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,09	CLN	Tân Lập		X					1.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Công trình "lộ ra Đường dây 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (02 mạch)	0,13	ODT + CLN	Tân Phú	178.000			0			178.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
9	Công trình Đường dây 110kV trạm 110kv Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,35	ONT + CLN	Xã Thuận Phú, Xã Thuận Lợi	175.000			18.000			157.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
10	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lập (Tuyến 1)	18,70	ONT + CLN	Xã Tân Lập			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
11	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Tiến (Tuyến 2)	27,50	ONT + CLN	Xã Tân Tiến, xã Tân Hòa			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
12	Tuyến đi qua Khu QH dân cư mới xã Tân Tiến (Tuyến 3)	26,10	ONT + CLN	Xã Tân Tiến, xã Tân Hòa			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
13	Tuyến đường kết nối Tân phú - xã Tân Lợi và đường Đồng Phú - Bình Dương (Tuyến 4)	33,90	ONT + CLN	Tân Phú, xã Tân Lợi, xã Tân Hòa			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

14	Đường tổ 47, xã Tân Lập	0,35	CLN	Xã Tân Lập			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
15	Đường Đông Tây 9 nối dài đến hồ Bà Mụ (Đổi tên thành "Xây dựng đường Tổ 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú")	1,40	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu mới ấp Quân Y, xã Tân Lợi (đổi tên thành Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú)	0,34	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
17	Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	1,89	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
18	Đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch (Bắc Nam 2)- giai đoạn 2	1,50	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
19	Nâng cấp đường tổ 27 B (Đông Tây 10): Đổi tên thành:Nâng cấp, sửa chữa đường Tổ 27 B (Đông Tây 10) đoạn từ ĐT741 đến đường Phú Riềng Đỏ, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú	0,70	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
20	Đường vào trường mầm non Đồng Tiến	0,20	HNK	Đồng Tiến			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
21	Thu hồi đất để phát triển kinh tế địa phương	10,98	CLN	Tân Tiến	10.000			X				Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

22	Khu dân cư Chợ Thuận Phú	8,10	CLN	xã Thuận Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
23	Khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	8,00	CLN	xã Tân Lập			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
24	Khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	16,23	CLN	xã Tân Lập			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
25	Khu dân cư tập trung kết hợp cơ quan hành chính nhà nước, trường học tại xã Tân Tiến	100,96	CLN	xã Tân Tiến			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
26	Đường tổ 8	0,02	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
27	Đường tổ 10	0,02	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
28	Trạm 110KV khu CN Bắc Đồng Phú và nhánh rẽ trạm 110 KV khu CN Bắc ĐP	0,58	ONT + CLN	Tân Phú Xã Tân Lợi	109.000			6.000			103.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
29	Đường dây 110kV Đồng Xoài-Phú Giáo	0,92	ONT + CLN	Xã Tân Phước, Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập,	215.000			27.000			188.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
30	Dự án Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT.755 nối ĐT.753	45,00	ONT + CLN + DGT + DTL	Đồng Tiến, Tân Phước	97.000	20.000			77.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
31	Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	31,60	ONT + CLN + DGT + DTL + NTD	Tân Phước, Đồng Tâm	177.000	30.000			147.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

32	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ Suối Rạt	60,00	ODT + CLN + DGT + SON + ONT + LUA + LUK + LUC	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	646.000	186.000			460.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
33	Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú	6,00	CLN + DGT + ONT	Tân Lập	50.000	8.000			42.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
34	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	5,00	CLN + DGT + ONT	Tân Lợi	604.000	7.000					597.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
35	Mở rộng đường Đông Tây 9 (đất của ông Trần Văn Hoặc)	0,01	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
36	Đường phía sau khu Hoa viên - Tượng đài (đất của bà Phạm Thị Nhuần)	0,06	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
37	Xây dựng đường Tổ 9 kết nối giao thông với đường Phú Riềng Đỏ (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	0,50	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
38	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7,53	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
39	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	1,38	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

40	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	1,02	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
41	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	3,57	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
42	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	2,25	CLN	Tân Lập			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
43	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	4,02	ODT + CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
44	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu HC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	0,15	ONT + CLN	Tân Lập			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
45	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	1,50	ONT + CLN	Tân Phước			X					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
46	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	1,50	ODT + CLN	Tân Phú	9.000		3.000			6.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
47	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	1,80	CLN	Tân Hoà			0			X		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
48	Cụm công nghiệp Tân Hưng	68,00	CLN	Tân Hưng			50.000				X	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

49	Mở rông ĐT758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối với QL14	77,76	ONT + CLN + ODT + DGT + DTL	Thuận Lợi, Thuận Phú, Đồng Tiến	500.000	20.000			480.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
50	Nâng cấp mở rông ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa-Vũng Tàu	72,80	ONT + CLN + ODT + DGT + DTL	Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hòa	655.000	15.000			382.000		233.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
51	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Nhu ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	1,20	CLN	Tân Hưng			X					Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
52	XD đường từ ĐT.753 ấp suối Da đến ấp 5, xã Tân Hưng	4,80	CLN	Tân Hưng			1.000					Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
53	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	49,00	RSX	Tân Hòa				X				Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
54	Mở rộng Khu công nghiệp Nam Đồng Phú	480,00	CLN và các loại đất khác	Xã Tân Lập				432.000			X	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
55	Mở rộng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	130,00	CLN và các loại đất khác	Thị trấn Tân Phú				117.000			X	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
56	Thu hồi đất của Công ty Cao su Đồng Phú giao về cho địa phương quản lý để xây dựng công trình phúc lợi xã hội	1,81	CLN	Thuận Lợi				2.000		X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
57	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Đồng Xoài (bổ sung)	19,24	CLN, ONT	Tân Phú, Tân Tiến, Tân Lập				20.000			X	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
58	Xây dựng đường DH Thuận Phú -Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	3,00	CLN	Thuận Phú			0			24.000		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

59	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	0,40	CLN	Đồng Tâm			X					Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
60	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đô, xã Tân Phước	5,00	CLN	Tân Phước			1.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
61	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	6,20	CLN	Tân Hưng			1.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
62	Nâng cấp đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TLA12): Sửa địa chỉ tên xã	1,50	CLN	Tân Lập			1.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
63	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân xã Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	2,00	CLN	Thuận Phú			1.000.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
64	Đất mở rộng để xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ấp 6	0,30	CLN	Tân Lập			270.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2022
65	Đất mở rộng để xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ấp 7	0,30	CLN	Tân Lập			1.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2023
66	Dự án Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT.755 nối ĐT.753	3,20	RSX	Tân Phước		3.000			X			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2024
67	Nâng cấp đường nhựa nối dài hai đầu đường vành đai từ thị trấn Tân Phú đến giáp ranh xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	0,10	CLN	Tân Phú			25.000			X		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2024
68	Xây dựng đường kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	7,69	RSX	Tân Phước, Đồng Tâm		3.000			X			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2025

69	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB)	180	ONT, SON, CLN, DGT, LUA, LUK	Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi	4.979.293	340.000			660.000		3.979.293	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
70	Diện tích đất dự kiến làm công viên khu tượng đài	0,19	CLN	Thuận Phú			1.000				1.000	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2027
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**258,28**										
1	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông)-Chơn Thành (Bình Phước)	145,34	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại khác	X. Tân Hưng, X. Tân Phước, X. Đồng Tiến, X. Đồng Tâm	3.000.000	336.000		100.000	897.500		1.666.500	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
2	Dự án Xây dựng đường Minh Lập (Chơn Thành) - Bù Nho (Phú Riềng) - Đồng Phú	21,00	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại khác	Thuận Phú	890.000	63.000			827.000			Kết luận số 358-KI/TU ngày 25/6/2022 của Ban thường vụ tỉnh ủy; Tờ trình số 179/r-UBND ngày 3/10/2022 cũa UBND tỉnh.
3	Dự án xây dựng đường Đồng Phú -Bình Dương (đoạn ĐT753 đến ranh Bình Dương)	89,63	CLN + DGT + NTS + SON + Các loại đất khác	Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng	960.000	474.000			486.000			Tăng diện tích tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Công trình "lộ ra Đường dây 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (02 mạch)	0,14	ODT + CLN	Tân Phú	178.000			0			178.000	Tăng diện tích tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Tiến (Tuyến 2)	0,81	ONT + CLN	Xã Tân Tiến, xã Tân Hòa			13.000					Tăng diện tích tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
6	Cụm công nghiệp Tân Hưng	1,00	CLN	Tân Hưng			724				X	Tăng diện tích tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

7	Xây dựng Cầu Ba Bi, Ba Điền - X.Tân Lập	0,36	ONT + CLN + DGT	Tân Lập				6.000			*31.000*	Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Phú Giáo; Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện Phú Giáo
IX	**Huyện Phú Riềng**	**718,67**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**603,55**										
1	Đường ĐT741 (mở rộng)	22,50	CLN, ONT	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng	615.000,00			315.000,00			300.000,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
2	Đường dây 110 KV trạm 110 KV Phước Long - Trạm 110KV Đồng Xoài	1,00	CLN	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng, Long Tân	175.200,00			17.700,00			157.500,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
3	Dự án Trạm biến áp 220KV Phước Long và đường dây đấu nối	4,27	CLN	Bù Nho	8.540,00			2.100,00			6.440,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
4	Trạm 110 KV Đức Liễu và ĐD 110KV trạm 110KV Bù Đăng - 110 KV Đức Liễu	2,70	CLN	Phú Trung	172.800,00			9.600,00			163.200,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
5	Trạm 110 KV Phú Riềng và nhánh rẽ đấu nối trạm 110 KV Phú Riềng	2,74	CLN	Bù Nho, Long Tân	85.500,00			5.200,00			80.300,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
6	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv phước Long (2 mạch)	0,93	CLN	Bù Nho, Phước Tân	117.200,00			9.700,00			107.500,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
7	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv Phước Long (4 mạch)	0,16	CLN	Bù Nho, Long Tân	30.600,00			1.600,00			29.000,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
8	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua HC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	19,00	DGT, CLN, ONT	Long Tân, Bù Nho	138.000,00		38.000,00		100.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
9	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	7,00	CLN	Long Tân, Bù Nho	80.000,00	5.000,00			75.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021

10	Xây dựng Trường Mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	1,00	CLN	Long Hà	35.500,00	1.500,00			34.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
11	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	8,00	DGT, CLN, ONT	Long Bình	62.000,00	16.000,00			46.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
12	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp xã Long Tân - Long Hà	7,00	DGT, CLN, ONT	Long Tân, Long Hà	50.000,00	14.000,00			36.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
13	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	26,00	DGT, NTS CLN, ONT	Phú Riềng, Long Tân	100.000,00	5.000,00			95.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
14	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường N8 HC huyện Phú Riềng	1,70	DGT, CLN, NTS	Bù Nho	19.590,00		5.000,00			14.590,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
15	Đường Cầu Long Tân - Tân Hưng (còn một số hộ dân)	9,60	CLN	Long Tân	102.281,66		2.281,66		100.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
16	Xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch Phú Riềng (điều chỉnh diện tích theo NQ 05)	28,40	CLN, MNC, NTS	Bù Nho	150.000,00		30.000,00			120.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
17	Nâng cấp Đường Phú Riềng - Phú Trung (đi Bù Đăng)	29,00	DGT, CLN, ONT	Phú Riềng, Phú Trung	128.000,00		8.000,00		120.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
18	Nâng cấp sửa chữa đường Bình Tân - Phước Tân	0,79	CLN	Bình Tân, Phước Tân	1.200,00		Không bồi thường về đất			1.200,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
19	Đường trục chính khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	2,90	CLN, ONT, DGT	Bù Nho	93.000,00		13.000,00		80.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
20	San lấp mặt bằng và xây dựng đường D9, D6, D5a Khu TĐC HC huyện	0,97	CLN, ONT	Bù Nho	18.600,00		4.100,00			14.500,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
21	Xây dựng đường Tân Phú 1, D6, D5a Khu TĐC HC huyện	0,12	CLN	Bù Nho	8.900,00		600,00			8.300,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021

22	Xây dựng đường D6, D5a (nối tiếp khu TĐC) Khu HC huyện	1,10	CLN	Bù Nho	17.810,00		5.000,00			12.810,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
23	Xây dựng đường N4 (Đt741 - D7) Khu HC huyện	0,90	CLN	Bù Nho	9.400,00		3.900,00			5.500,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
24	Xây dựng đường gom Khu HC huyện	0,20	CLN	Bù Nho	12.750,00		1.000,00			11.750,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
25	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D7, D6b, D6c Khu HC huyện	0,25	CLN	Bù Nho	13.451,00		1.300,00			12.151,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
26	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Tân Phú 1 Khu HC huyện	1,00	CLN	Bù Nho	18.900,00		4.000,00			14.900,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
27	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (N6-N7), N6 (Đt741-D5c, D6-D9), D3e Khu HC huyện	0,97	CLN	Bù Nho	15.500,00		1.500,00			14.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
28	Đường Bù Nho - Phước Tân (Mở rộng đầu tuyến)	0,50	CLN	Phước Tân	5.000,00		2.000,00			3.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
29	Xây dựng đường liên xã Phú Trung - Phước Tân (Kết nối ĐH312 - đường thôn Đồng Tháp, Phước Tân ĐT759)	27,00	CLN, ONT, DGT	Phú Riềng,Phú Trung, Phước Tân	120.000,00		12.000,00		108.000,00			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
30	NVH thôn Phước Tân	0,04	CLN	Bình Tân	300,00		Không bồi thường về đất			300,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
31	NVH thôn Bình Hiếu	0,05	TIN	Bình Tân	300,00		Không bồi thường về đất			300,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
32	Đường liên thôn Phước Hòa - Phước Tân	0,90	CLN	Bình Tân	900,00		Không bồi thường về đất			900,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021

33	Đất Quy hoạch phát triển các khu đô thị (Khu đô thị TMDV Phú Riềng Đỏ 2)	261,60	CLN	Phú Riềng	10.100,00						10.100,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
34	Đường QH số 42	0,31	CLN	Bù Nho	800,00	Không bồi thường về đất			0,00	800,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
35	Nhánh rẽ và trạm 110kV thủy điện Long Hà	1,80	CLN, SON	Long Hà	3.600,00			1.800,00			1.800,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
36	Thu hồi đất thực hiện đấu giá tạo quỹ phát triển hạ tầng cho huyện	13,00	CLN	Bù Nho	1.500,00	Không bồi thường về đất				1.500,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
37	Thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng các trụ sở khối cung cấp dịch vụ (Ngân hàng, bưu chính, …)	2,45	CLN	Bù Nho	2.500,00	2.500,00						Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
38	Thu hồi đất thực hiện khu thương mại dịch vụ	2,40	CLN	Bù Nho	2.500,00	2.500,00						Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
39	Thu hồi đất thực hiện khu tái định cư	2,30	CLN	Bù Nho	2.500,00	2.500,00						Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
40	Trụ sở Trung tâm Y tế huyện Phú Riềng	0,20	CLN	Bù Nho	1.000,00	1.000,00						Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
41	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) HC huyện Phú Riềng	1,50	CLN	Bù Nho	41.200,00		1.200,00			40.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
42	Đường giao thông các hộ dân tại thôn Tân Hiệp, xã Bù Nho	0,33	CLN	Bù Nho	500,00		Không bồi thường về đất				500,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
43	ĐH Long Bình - Bình Sơn	10,68	CLN, ONT	Long Bình, Bình Sơn	46.000,00		2.000,00			44.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
44	Khu Dân cư Nam Phú Riềng	19,15	CLN,NTS, DGT,ONT,	Phú Riềng	331.362,60			165.681,00			165.681,60	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
45	Bãi rác huyện	35,75	CLN	Bình Tân	535.300,00			315.000,00			220.300,00	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021

46	Xây dựng đường liên xã Phú Trung - Phước Tân	22,90	CLN, ONT	Phú Trung, Phước Tân	33.000,00		3.000,00			30.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
47	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	20,50	CLN, ONT	Bù Nho, Phú Riềng, Bình Tân	32.200,00		2.200,00			30.000,00		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**115,12**										
1	Đất Quy hoạch phát triển các khu đô thị (Khu đô thị TMDV Phú Riềng Đỏ 2)	26,63	CLN	Phú Riềng				không bồi thường về đất				Công văn 584/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 14/7/2021 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
2	Xây dựng Công viên - Quảng trường HC huyện	2,80	DGT, CLN, ONT, NTS	Bù Nho	20.000,00		10.000,00			10.000,00		QĐ 2130/QĐ-UBND của UBND huyện Phú Riềng ngày 09/8/2022
3	Nâng cấp MR đường trước UBND xã Long Tân đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	1,00	CLN, ONT	Long Tân, Long Hà	10.000,00					10.000,00		QĐ 2125/QĐ-UBND của UBND huyện Phú Riềng ngày 09/8/2022
4	GPMB, ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường từ dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	15,50	CLN, NTS, ONT	Long Tân, Long Hà, Long Bình	25.000,00	5.000,00				20.000,00		QĐ 2126/QĐ-UBND của UBND huyện Phú Riềng ngày 09/8/2022
5	Xây dựng láng nhựa đường ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền Long Phước)	1,50	CLN	Bình Tân	10.000,00	50,00			9.950,00			QĐ 2208/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 30/8/2021
6	Xây dựng đường láng nhựa từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long)	1,50	CLN	Bình Tân	10.000,00	50,00			9.950,00			QĐ 3025/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 29/11/2021
7	Thao trường huấn luyện	22,19	CLN	Bù Nho	2.000,00			Không bồi thường về đất		2.000,00		Công văn 807/BC-BCH của Ban CHQS huyện Phú Riềng ngày 07/9/2022

8	Xây dựng đường Minh Lập (Chơn Thành) - Bù Nho (Phú Riềng) - Đồng Phú	44,00	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại khác	Long Tân, Bù Nho	890.000,00	132.000,00			758.000,00			Kết luận số 358-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy
X	**Thành phố Đồng Xoài**	**1.103,91**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**974,00**										
1	Khu đô thị mới - Công viên Trung tâm Đồng Xoài	49,36	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác; 9,9 ha LUK	Tân Bình				Vốn DN ứng trước				Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
2	Khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	166,90	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác; 4 ha đất LUK,	Tân Phú, Tiến Thành				Vốn DN ứng trước				Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ công viên văn hóa (đường QH số 30 và đường Nguyễn Chánh)	3,61	CLN, ODT, DGT và các loại đất khác	Tân Bình	58.130	9.500			48.630			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
4	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài(đoạn từ ĐH 507 đến giáp ranh huyện Đồng Phú khoảng 1km và đoạn từ đường Vành đai (quy hoạch) của thành phố Đồng Xoài đến đường quy hoạch số 30 (ranh quy hoạch Công viên Trung tâm): dài 652,93m; từ đường số 12 của quy hoạch Công viên Trung tâm đến QL14: dài 213,68m)	6,10	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	220.000			53.000			167.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022

5	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại Khu dân cư Bắc tỉnh lỵ	2,20	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	200.000	40.000			160.000			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
6	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	51,68	ONT, CLN, DTL, DGT, ODT và các loại đất khác	Tân Thành, Tiến Thành	450.000	100.000			350.000			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
7	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - KCN Đồng Xoài II)	3,68	CLN, LUA, SON, DGT và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tiến Thành	50.000	7.879			42.121			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
8	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	28,00	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thành, Tiến Thành	1.450.000	150.000			1.300.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
9	Xây dựng đường Đồng Tiến - Tân Phú	0,91	CLN, DTL, DGT và các loại đất khác	Tân Thiện	180.000	2.000			178.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
10	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ Suối Rạt	50,00	ODT, CLN, DGT, SON, ONT, LUA, LUK, LUC và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân, Tiến Hưng	526.000	186.000			186.000		340.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
11	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	23,40	ODT, ONT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	655.000	40.000			382.000		233.000	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh

12	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	31,50	ODT, ONT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác; 04 ha đất LUK,	Tân Thiện	608.580			Vốn DN (tổ chức đấu thầu đầu tư dự án có sử dụng đất)				Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
13	Khu đô thị mới phía Đông phường TânThiện	46,10	ODT, ONT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện	Đấu thầu chọn nhà đầu tư			Vốn DN (tổ chức đấu thầu đầu tư dự án có sử dụng đất)				Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh;
14	Đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III, dài khoảng 3km)	9,60	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác; 04 ha LUK,	Tân Bình, Tiến Hưng	79.499		4.567			74.932		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
15	Đường nối từ khu nhà ở xã hội đến KCN ĐX III	2,56	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng	34.095	2.000			32.095			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
16	Xây dựng đường giao thông khu phân lô đất Lâm trường Suối Nhung (cũ), phường Tân Bình	1,00	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình	4.530		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			4.530		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
17	Đường từ đường Nguyễn Huệ đến HC phường Tân Thiện	2,00	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Thiện	16.267		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			16.267		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
18	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2,10	CLN, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng	80.000	56.784			23.216			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

19	Đường Phan Bội Châu đoạn nối từ Tôn Đức Thắng đến KCN Đồng Xoài III	4,36	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác; 01 ha đất LUK, LUA	Tân Bình, Tiến Hưng	60.000		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			60.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
20	Trụ sở Công an thành phố Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình	14,40	CLN, ONT và các loại đất khác	Tân Bình	200.000	200.000						Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
21	Đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng)	1,05	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	52.242		30.000		22.242			Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
22	GPMB + Xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến tiếp giáp Công viên Xoài, phường Tân Phú	0,54	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	16.000		9.000			7.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
23	Xây dựng đường An Dương Vương (đường quy hoạch 48) P. Tân Phú (đoạn từ QL14 đến đường Hồ Xuân Hương)	1,50	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	50.000		29.900			20.100		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
24	Đường quy hoạch số 18 (từ Lê Duẩn đến Võ Văn Tần)	0,50	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình	31.916		24.129			7.787		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
25	Hệ thống thoát nước (từ đường quy hoạch số 2 đến suối Rạt); khoảng 550 m	4,05	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Thiện	10.000		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			10.000		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
26	Đường dọc theo hai bên suối Tầm Vông	0,78	CLN,LUA và các loại đất khác; 0,78 ha đất LUK, LUC	Tân Bình, Tân Xuân	75.000		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			75.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh

27	Đường dọc theo hai bên suối Đồng Tiền	4,50	CLN, LUA và các loại đất khác; 0,5 ha LUK, LUC	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	75.000		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			75.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
28	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú	10,42	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Phú, Tiến Thành	250.000	85.000				165.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
29	Xử lý cấp bách thoát lũ Suối Đá thành phố Đồng Xoài	17,00	CLN, ODT và các loại đất khác; 01 ha LUK,	Tân Xuân	135.000		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			135.000		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
30	Xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam.	5,55	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	202.000	202.000						Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
31	HC phường Tân Đồng (phần các hộ còn lại)	0,35	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Đồng	11.000		11.000					Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
32	GPMB + XD hoàn thiện các tuyến đường khu dân cư và đất xây dựng trụ sở ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	1,90	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	37.000	15.000				22.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
33	Thao trường huấn luyện (ấp 4, xã Tiến Hưng)	22,00	CLN, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng	6.000							Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
34	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 07 hộ)	0,04	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	6.000		5.000			1.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

35	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa, tỉnh Bình Phước	30,16	CLN, DTL, DGT, ONT, NTS và các loại đất khác	Tân Thành	282.600	77.000			205.600			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
36	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (kết nối ĐT741 với QL14)	9,80	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Xuân, Tân Thiện	109.920		19.074			90.846		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
37	Đường dây 110kV trạm 110kV Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,29	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	175.214			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
38	Lộ ra 110kV từ trạm 220 kV Chơn Thành (02 mạch)	0,49	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tân Thành	178.258			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
39	Đường dây 110kV Đồng Xoài -Phú Giáo	0,42	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Xuân, Tân Thiện	214.527			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
40	Trạm 110kV Đồng Xoài 2 và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Đồng Xoài 2	0,73	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tiến Hưng	101.848			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh

41	Đường vành đai phía Nam thành phố Đồng Xoài (qua 05 phường, xã)- Đường quy hoạch 32m (Tên theo QĐ phê duyệt: Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đỏ)	41,01	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác; 3,5 ha LUK, :UC	Tân Thành, Tiến Thành, Tân Bình, Tân Xuân, Tân Thiện	300.000		103.000			197.000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
42	Dự án Xây dựng đường nối Đường vòng quanh hồ Phước Hòa với KCN Đồng Xoài I	27,00	CLN, ONT, DGT, DLT, NTS và các loại đất khác	Tiến Thành, Tân Thành	120.000	56.000			64.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
43	Đường dọc theo hai bên suối Mơ	0,18	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
44	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Vành đai)	1,84	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Thành			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
45	Đường quy hoạch số 31	22,16	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tân Thành, Tân Bình			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
46	Đường quy hoạch số 34 (Hải Thượng Lãn Ông)	9,07	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tiến Hưng			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

47	Đường quy hoạch số 21	6,49	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
48	Đường quy hoạch số 16	2,00	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Thiện			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
49	Đường quy hoạch số 8	1,27	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Đồng			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
50	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Vành đai)	1,94	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Đồng			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
51	Tuyến đường từ Khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến đường đi Bình Dương	4,38	CLN, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng	11.200		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			11.200		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
52	Khu trụ sở cơ quan và dân cư phía Bắc phường Tân Phú	20,25	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	Sở TN&MT đăng ký							Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
53	Mở rộng KCN Bắc Đồng Phú	187,00	Cây lâu năm	Tiến Hưng	Vốn Doanh nghiệp						Vốn Doanh nghiệp	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
54	Xây dựng đường Quy hoạch số 35 (kết nối Đồng Phú – KCN Đồng Xoài I với hồ Suối Cam), thành phố Đồng Xoài	20,16	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tiến Thành			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh

55	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường số 31 đến đường Trường Chinh)	5,48	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	80.000		11.500			68.500		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
56	Đường Nguyễn Bình	0,91	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
57	Đường số 39	34,69	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Phú, Tiến Thành Tân Thành			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
58	Dự án thủy lợi Phước Hòa-Hạng mục phát sinh lòng hồ	0,10	CLN	Tân Thành	0,50	x			Thu hồi bổ sung vùng ngập không có thực hiện lòng hồ			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
59	Đường quy hoạch số 37	1,98	CLN, ODT và các loại đất khác	Tiến Thành			Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
60	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	160,00	ODT, CLN, DGT, SON, LUA, LUK và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện	4.979.000	150.000					4.829.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
61	Mương thoát nước đường Hùng Vương ra suối Tầm Vông, phường Tân Bình.	0,03	ODT, CLN và các loại đất khác	Tân Bình	4.000		4.000			x		Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh
b	**Các dự án đăng ký mới năm 2023**	**129,91**										

1	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	117,48	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tiến Hưng Tân Xuân Tân Thành	3.000.000	587.380			585.614		1.233.000	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
2	Dự án đường Nguyễn Văn Trỗi (Quy hoạch 34) đoạn từ QL14 đến HC phường Tân Thiện (bao gồm ĐBGT và xây dựng)	4,80	ODT, CLN và các loại đất khác	TânThiện	185.000		115.000			70.000		Nghị quyết 89/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của HĐND thành phố
3	Giải phóng mặt bằng mở rộng Trường MN Hoa Lan và Trường TH Tiến Hưng B	0,35	ONT CLN	Tiến Hưng	7.500		7.500			x		Nghị quyết 212/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND thành phố; Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thành phố
4	Mở rộng trường MN Hoa Sen	0,29	DYT	Tiến Hưng								Đất công không phải bồi thường
5	Đường vành đai phía Nam thành phố (đoạn qua phường Tân Bình).	6,99	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình	59.016		Không bồi thường về đất; Vận động hiến đất			59.016		Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của HĐND thành phố;Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
XI	**Huyện Bù Đốp**	**42,42**										
a	**Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, 2021, 2022**	**42,42**										
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật	21,78	CLN	Thanh Hòa	20.000		20.000			20.000		QĐ số 939/QĐ-UBND của UBND huyện Bù Đốp ngày 29/7/2022 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
2	Đường Hùng Vương nối dài	1,50	LUK, CLN, ODT	Thanh Bình	80.000	25.000			80.000			Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022

3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	4,89	RSX, CLN	Hưng Phước, Phước Thiện	110.000	11.000			110.000			Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
4	Đường tránh trung tâm hành chính huyện	3,76	LUK, CLN, ODT, ONT	Thanh Bình, Thiện Hưng, Thanh Hòa	160.000	15.000			160.000			Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
5	Trường mẫu giáo Phước Thiện	0,80	LUK	Phước Thiện	32.000		2.000		30.000			Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
6	Đường giao thông nông thôn khu dân cư ấp 03, xã Thanh Hòa	1,50		Thanh Hòa	15.000		700			15.000		QĐ số 939/QĐ-UBND của UBND huyện Bù Đốp ngày 29/7/2022 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022
7	XD 10 phòng học lầu trường TH & THCS Thanh Hòa (Điểm ấp 6 trường TH&THCS Thanh Hòa)	0,19		Thanh Hòa	7.000		1.500			7.000		Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh vốn đầu tư công 2022
8	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	8,00	LUK, CLN	Tân Tiến, Tân Thành, Thanh Hòa, Thanh Bình	604.000	8.000			148.000		448.000	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
	Tổng cộng	**14.692,59**										

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm
RSX: Đất trồng rừng sản xuất
ONT: Đất ở tại nông thôn
ODT: Đất ở tại đô thị
TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan
TIN: Đất cơ sở tín ngưỡng
DGD: Đất cơ sở giáo dục đào tạo
DGT Đất giao thông

TMD: Đất thương mại, dịch vụ.
DTT: Đất thuể dục, thể thao.
DYT: Đất y tế.
HNK: Đất trồng cây hành năm khác.
TSN: Đất tổ chức sự nghiệp công lập.
DTL: Đất thủy lợi.
LUA, LUC, LUK: Đất lúa.
DNL: Đất công trình năng lượng.

NTD: Đất nghĩa trang nghĩa địa.
GDC: Đất hộ gia đình, cá nhân trong
DDT: Đất có di tích lịch sử văn hóa.
DSH: Đất sinh hoạt cộng đồng.
DRA: Đất bãi thải, xử lý chất thải.

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản
SON Đất sông suối và MNCD
SKC Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
MNC Đất mặt nước chuyên dùng

CAN: Đất an ninh
CQP: Đất quốc phòng.
RPH: Đất rừng phòng hộ.
PNK: Đất phi nông nghiệp khác.